

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lê Đức Dũng**

2/ Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhật Linh**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm số 186/TB-TA ngày 06 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Bùi Thành P** (Bui Thanh P1), sinh ngày: 16/09/1998.

Hộ chiếu số: C2068212 do Cục Q cấp ngày 30/08/2016.

Địa chỉ: A M, G, CA I, Hoa Kỳ.

Chỗ ở: 11272 P, G, CA I, Hoa Kỳ.

- *Bị đơn*: Bà **Trương Hoàng Liên N**, sinh ngày: 25/06/1998.

Căn cước công dân: 075198003141 do Cục C về TTXH cấp ngày 20/09/2021.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã C, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P và bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông **Bùi Thành P** (Bui Thanh P1) trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, ông **Bùi Thành P** (Bui Thanh P1) và bà **Trương Hoàng Liên N** tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/11/2021. Đây là hôn nhân lần đầu của ông bà. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ và đã sống ly thân

từ năm 2021 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trương Hoàng Liên N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai bị đơn bà Trương Hoàng Liên N trình bày: Bà thống nhất với ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) về quá trình hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, cũng như quá trình sống ly thân. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng nên bà đồng ý ly hôn với ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát khu vực 5 - Đồng Nai phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết: áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) ly hôn bà Trương Hoàng Liên N; về con chung: không có, nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trương Hoàng Liên N. Bà N có nơi cư trú tại tổ A, ấp C, xã C, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) và bà Trương Hoàng Liên N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục

chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) và bà Trương Hoàng Liên N tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2021 ngày 10/11/2021 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ: Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn, xác định ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) và bà Trương Hoàng Liên N trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ, nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay xác định tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà thống nhất ly hôn, do đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) và bà Trương Hoàng Liên N.

- Về con chung: Không có, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) và bà Trương Hoàng Liên N thống nhất khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1).

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) được ly hôn bà Trương Hoàng Liên N.

2. Về con chung: Không có, nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0013547 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng. Ông Bùi Thành P (Bui Thanh P1) đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 5 – Đồng Nai;
- UBND xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Trương Thị Thùy Trang**